

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 01 – 2025
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Ông Trần Quang Vinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-HNGĐ 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1980.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2003 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/9/2007. Hôn nhân giữa chị M và anh C được xây dựng trên cơ sở mai mối

và kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó giữa chị M và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm. Nguyên nhân do anh C không quan tâm chăm sóc gia đình, chị M nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không từ bỏ. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị M và anh C ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị M và anh C có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Trần Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung:

+ Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2003, đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 28/6/2008 (Hiện đang sống chung với chị M), sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 28/6/2008 cho chị Trần Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị M không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị Trần Thị M (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của Lê Thị Thảo N1 (Bản sao); Giấy khai sinh Lê Thị Tuyết N (Bản sao); Quyết định đình chỉ (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Văn C cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn C.

Xét thấy, chị Trần Thị M và anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/9/2007, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị M và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh C không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị M nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không từ bỏ. Ngoài ra, chị M và anh C không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị M xác định, giữa chị M và anh C không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trần Thị M yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2003, đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 28/6/2008 (Hiện đang sống chung với chị M), sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay chị M là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Thảo N1. Ngoài ra, chị M xác định, hiện nay chị có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Đồng thời, tại bản khai ngày 03 tháng 12 năm 2024 thì cháu Lê Thị Thảo N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Lê Thị Thảo N1 phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Vì vậy, chị Trần Thị M yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 28/6/2008 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị M không yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị M xác định là không yêu cầu giải quyết. Anh Lê Văn C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Lê Văn C.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 28/6/2008 cho chị Trần Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị M không yêu cầu.

Chị M và anh C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị M không yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006980 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị M đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang V – Nguyễn Hoàng Minh Nguyễn Minh T

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Minh Trung